TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202 /2018/HNST.
Ngày: 28/9/2018
V/v tranh chấp:“ Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Trung Nhân.**
2. Ông **Lê Văn Niệm.**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Trường An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Trần văn Quốc** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2018 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2018 giữa các đương sự:

I- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị C Y**, sinh năm 1976. (có mặt).
Địa chỉ: ấp x, xã y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
II- *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1960. (có mặt).
Địa chỉ: ấp x, xã y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bạc là ông **Phan Văn H**, Luật sư văn phòng luật sư Phan Văn H thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.
III- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:
1- **Ngân hàng Nông nghiệp x**; Trụ sở : Số 18, đường Trần Hữu Dực, phường x, quận y, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật ông Trịnh Ngọc K chức vụ : Chủ tịch Hội đồng thành viên.
Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Thế P** chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng x. Theo văn bản ủy quyền số 510/ QĐ- HĐTV- PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng x.
Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Trần Anh D**, sinh năm 1963, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Hòa K. Theo văn bản ủy quyền số 416/NHN0CB- TA ngày 17/7/2018 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng x.
2- Anh **Huỳnh Thành C** , sinh năm 1990. (có mặt).
3- Chị **Huỳnh Thiên L** sinh năm 1990. (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp x, xã y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị C Y trình bày:

Bà với ông Huỳnh Văn B kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở quen biết nhau và hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang . Sau khi cưới bà về chung sống với ông B, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, ông Bạc khó khăn trong mọi sinh hoạt của gia đình và hay ghen tông vô cớ , bà có khuyên can nhưng ông B không thay đổi nên dẫn đến đời sống vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hạnh phúc gia đình không đạt được, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân bà và ông B có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc A , sinh ngày 11/9/2014, hiện đang sống với bà Y.

Tài sản chung; nợ chung: Không có.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn B .

Con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi chung và yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung; nợ chung: Không có.

Bị đơn ông B trình bày: Về điều kiện đi đến hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn như bà Y trình bày là đúng.

Về con chung như bà Y trình bày là đúng.

Tài sản chung, nợ chung không có. Đối với phần nợ Ngân hàng x là nợ của cá nhân ông , không phải là nợ chung của vợ chồng.

Nay về quan hệ hôn nhân ông không đồng ý ly hôn với bà Y, nên về con chung không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1- Ngân hàng x trình bày: Vào ngày 14/6/2016 Ngân hàng x- Phòng giao dịch Hòa K có ký hợp đồng tính dụng số 310285086/ HĐTD với ông Huỳnh Văn B và cho ông B vay số tiền 150.000.000 đồng với mục đích sửa chữa nhà, hợp đồng đến hạn vào năm 2021. Sau đó ông B có trả theo kỳ , hiện nay còn nợ 120.000.000 đồng. Xét thấy ông B và bà Y ly hôn không có tài sản chung nên thấy không ảnh hưởng đến tài sản thế chấp. Nay ngân hàng xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông B.

2- Anh Huỳnh Thành C đồng ý cùng với ông B trả số tiền còn lại là 120.000.000 đồng cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

3- Chị Huỳnh Thiên L: Không đồng ý cùng ông B trả số tiền trên cho Ngân hàng vì chị không có vay và sử dụng số tiền trên.

Luật sư Trần Văn H bảo vệ quyền lợi cho ông B phát biểu và đề nghị: Xét về nguyên nhân mâu thuẫn không lớn và hiện tại ông B bị bệnh tai biến nên việc đi lại và sinh hoạt hàng ngày gặp khó khăn và cần phải có người chăm sóc và ông B xin khắc phục sửa chữa, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y, về con chung do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết, tài sản chung, nợ chung : ông B xác định không có.

Đại diên Viện kiểm sát phát biểu ý kiến :

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C Y. Cho bà Y ly hôn với ông B, giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng và ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng x.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự Hội đồng xét xử có nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng:

- Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C Y yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn B nên xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào địa chỉ sinh sống của ông Huỳnh Văn B ở ấp x, xã y , huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự . Quan hệ tranh chấp được xác định là " Ly hôn và nuôi con" theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Chị Huỳnh Thiên L có đơn xin xét xử vắng mặt vì bận công chuyện gia đình . Căn cứ vào khoản 1 điều 227 và điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C Y và ông Huỳnh Văn B kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2012 ngày 10/10/2012, sau khi cưới bà về chung sống với ông B, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, ông B khó khăn trong mọi sinh hoạt của gia đình và hay ghen tuông vô cớ , bà có khuyên can nhưng ông B không thay đổi nên dẫn đến đời sống vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hạnh phúc gia đình không đạt được, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cương quyết ly hôn với ông B. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa bà Y với ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa bà Y với ông B sống ly thân nhau đến nay đã lâu nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nên bà Y xin ly hôn với ông B là có căn cứ. Ông B thừa nhận trước đây ông có khó khăn và nghi ngờ bà Y, nay ông xin khắc phục nhưng bà Y không đồng ý. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Y ly hôn với ông B.

[3]- Về con chung: Bà Y yêu cầu nuôi con chung là cháu Huỳnh Ngọc A , sinh ngày 11/9/2014. Xét thấy vì từ khi bà Y và ông B sống ly thân cho đến nay thì cháu Anh sống với bà Y đã có cuộc sống ổn định, hơn nữa bà Y vẫn nuôi dưỡng tốt. Hiện tại ông B bị bệnh tai biến nên việc đi lại và sinh hoạt hàng ngày gặp khó khăn nên không thể chăm sóc nuôi dưỡng con tốt hơn bà Y được. Căn cứ vào điều 81và điều 82 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng. Về cấp

dưỡng bà Y yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu A đử 18 tuổi là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]- Tài sản chung, nợ chung: Bà Y và ông B xác định không có và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]- Ngân hàng x rút yêu cầu khởi kiện, xét thấy đây là sự tự nguyện và quyền định đoạt của đương sự không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do Ngân hàng rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến yêu cầu của anh C và chị L.

[6]- Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B không phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7]- Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về thủ tuc tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]- Về án phí : Bà Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28 , khoản 1 điều 35 , khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 51 , điều 56 , điều 81 và điều 82 và điều 110 luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1- Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị C Y ly hôn với ông Huỳnh Văn B.

2- Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 11/9/2014 cho bà Y nuôi dưỡng. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi có khả năng lao động được. Thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

4- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng x.

5- Án phí: Bà Nguyễn Thị C Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 08354 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên thi hành xong phần án phí.Ông Huỳnh Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng x 3.233.013 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 09072 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

6- Bà Nguyễn Thị C Y, ông Nguyễn Văn B và anh Huỳnh Thành C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ngân hàng x và chị Huỳnh Thiên L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTỉnh Tền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Việt Chương